

## I. LỤC TỔ HUỆ NĂNG 慧能 (638-713):

## 1. Lược sử:

Thiền tăng đời Đường, Tổ thứ 6 của Thiền tông, người khai sáng Nam tông, họ Lư, nguyên quán Phạm Dương (nay là Đại Hưng, Bắc Kinh), sinh ở Tân Hưng, Nam Hải (nay thuộc Quảng Đông) Trung Quốc; nói pháp Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn.

Sau Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn, ngài Thần Tú hoàng truyền Thiền ở phương bắc rất được Cao Tông, Trung Tông và Võ Hậu sùng kính phụng thờ. Ngài Huệ Năng thì hoàng truyền Thiền ở Tào Khê thuộc Quảng Đông, cho nên đối với ngài Thần Tú Bắc tông mà gọi là Nam tông. Về sau chỗ gọi là *Tông môn*, thật ra đến thời ngài Huệ Năng tông môn mới được nổi bật. Nhon vì trước Lục Tổ chỉ có một số ít người truyền thừa nhau, từ Sơ Tổ Đạt-ma cho đến Tứ Tổ, mới chỉ là một chi Ngưu Đầu, đến Ngũ Tổ bèn chia làm hai tông Nam Đốn, Bắc Tiệm. Từ Nam Tông của Lục Tổ về sau mới truyền bá rộng rãi.

Lục Tổ Huệ Năng đoạn trước, khi giảng về Ngũ Tổ đã có đề cập đến ngài. Khi Ngũ Tổ muốn trao y bát, bảo ngài Huệ Năng đến nửa đêm vào trượng thất, vì ngài nói kinh *Kim Cang* đến câu *Nên không có chỗ trụ mà sanh tâm kia*, Lục Tổ đại ngộ và nói: *Đâu ngờ tự tánh xưa nay thanh tịnh! Đâu ngờ tự tánh vốn chẳng sanh diệt! Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ! Đâu ngờ tự tánh vốn không dao động! Đâu ngờ tự tánh hay sanh ra muôn pháp!* Ngũ Tổ biết ngài đã triệt ngộ mới trao y bát. Và ngay đêm ấy Ngũ Tổ đưa ngài đến bến Cửu Giang, trên thuyền ngài Huệ Năng lại có lời đối đáp *Khi mê thì thầy độ, khi ngộ thì con tự độ*. Ngũ Tổ trở về, trải qua ba ngày mới bảo với đại chúng: Y bát đã đi về phương nam. Chúng biết được liền qua sông hướng về phía Lĩnh Nam đuổi bắt.

Khi ấy, trong chúng có vị tăng tên là Huệ Minh, là xuất thân từ một tướng quân, thân thể mạnh khỏe hơn mọi người, chạy đi trước tìm được Lục Tổ. Lục Tổ để y bát ở trên tảng đá, ẩn thân vào bụi cây. Huệ Minh dùng hết sức lực bình sinh của mình, giở y lên chẳng động, bèn lớn tiếng kêu: *Hành giả! Hành giả! Tôi vì pháp mà đến, chẳng vì y mà đến*. Huệ Năng bước ra, Huệ Minh làm lễ thưa: *Xin hành giả vì tôi nói pháp*. Huệ Năng bảo: *Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, chính khi ấy, cái gì cũng bản lai diện mục của thượng tọa Minh?* Huệ Minh ngay nơi lời nói bèn đại ngộ. Lại hỏi: *Ngoài mật ngữ, mật ngôn ở trên, còn có mật ngôn nào khác chẳng?* Huệ Năng nói: *Tôi đã nói thì chẳng phải mật, mật là ở nơi ông*. Huệ Minh khi ấy liền lễ Lục Tổ làm thầy, về sau đổi tên là Đạo Minh, để tránh pháp danh của thầy. Huệ Minh trở về trên đường, bảo với đại chúng rằng: *Tôi đã chạy trước tìm kiếm nhưng không thấy bóng dáng ông ta, vả lại đường rất khó đi*. Mọi người cùng nhau trở về.

Lục Tổ đến Quảng Đông, môn nhơn của Ngũ Tổ vẫn còn rất nhiều người đi tìm kiếm, cho nên phải nhiều năm ẩn trốn, thường ở chung với bọn người thợ săn. Bọn thợ săn bảo ngài giữ giềng lưới, ngài luôn luôn thả sinh vật ra, và lại lấy rau luộc bên thít trong nồi, của bọn thợ săn để ăn. Về sau đến chùa Pháp Tánh ở Quảng Châu, đang lúc pháp sư Ấn Tông giảng kinh Niết-bàn, khi đó nhơn gió thổi phan động, có một vị tăng nói là phan động, một vị khác gọi là gió động, tranh luận nhau không ngã lẽ. Lục Tổ nghe, đối trước họ mà nói: *Chẳng phải gió động, chẳng phải phan động, mà là tâm của các nhơn giả động*. Hai vị tăng ấy nghe xong đều kinh ngạc! Pháp sư Ấn Tông cũng rõ biết, thỉnh ngài lên tòa, hỏi: *Hành giả quyết định chẳng phải là người thường, từ lâu đã nghe y bát ở Huỳnh Mai đã đi về phương nam, có phải là hành giả chẳng?* Huệ Năng cũng không dấu điểm mà đáp lại. Khi ấy, Ấn Tông thỉnh các vị cao tăng đại đức ở các nơi đến, để thế phát và truyền giới cho Lục Tổ. Lại hỏi:

- Tổ Huỳnh Mai phó chúc và truyền dạy như thế nào?

Huệ Năng đáp:

- Không có truyền trao, chỉ luận về kiến tánh mà không luận về thiên định và giải thoát.

Đây là nói chỉ lấy thấy tánh thành Phật làm trọng yếu hơn hết.

Lục Tổ từ đây về sau khai mở giảng đường nói pháp ở Tào Khê, mở đầu là dạy mọi người niệm “Nam-mô Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa”, chỉ thẳng tức tâm là Phật, là tông chỉ Ngô Tâm Thành Phật. Đời nhà Đường vua Trung Tông ngưỡng mộ đạo phong của ngài, sai quan nội cung phụng tên là Tiết Giản đi đón rước Tổ về kinh, Lục Tổ không chịu đi. Ông ta thưa thỉnh pháp yếu:

- Thiên đức ở kinh thành đều nói: *Muốn được hội đạo, quyết phải tọa thiên*, ý của sư như thế nào?

Tổ bảo:

- Đạo do tâm ngộ, há ở ngôi ư? Nhơn giả muốn sáng tỏ tâm yếu, chỉ cần tất cả thiện ác đều chớ suy nghĩ, tự nhiên được vào tâm thể thanh tịnh, lặng lẽ thường tịnh, diệu dụng như số cát sông Hằng!

Một hôm, Tổ bảo với đại chúng:

- Thiên tông của Đạt-ma, từ đây trùm khắp sa giới.

Khi ấy, ở trong chúng, ngài nói bài kệ phó pháp:

*Tâm địa hàm chư chủng*

*Phổ vũ tất giai manh*

*Đón ngộ hoa tình dĩ*

*Bồ-đề quả tự thành.*

Dịch:

*Đất tâm chứa các giống*

*Mưa khắp ắt nảy mầm*

*Hoa đón ngộ vừa nở*

*Quả Bồ-đề tự thành.*

Đây là nói tông chỉ đôn ngộ tự tâm tức là thành Bồ-đề. Y dừng lại không truyền, lưu lại ở Tào Khê để cúng dường. Khi ấy, người đắc pháp có cả thầy ba mươi ba người. Những vị này, ở trong *Pháp Bảo Đàn Kinh* đều có vấn đáp. Trong đó người đặc biệt xuất sắc nhất, có hai vị là Thanh Nguyên Hành Tư và Nam Nhạc Hoài Nhượng, mà thiền sư Thanh Nguyên làm thủ tọa. Nhon vì ngài Hành Tư là người khai thủy thiền phong thời kỳ kế sau, nên để lại chờ đến phần sau sẽ nói.

## 2. Tư tưởng thiền học của Lục tổ Huệ Năng:

Những lời dạy của Lục tổ được môn nhân Pháp Hải ghi chép lại thành kinh Pháp Bảo Đàn. Kinh này nói về pháp Ma-ha Bát-nhã và phát triển thành Đôn giáo *Nhất siêu trực nhập*. Dem lý luận *Vô niệm*, *Vô tướng* và *Vô trụ* trong Kinh Kim Cang kết hợp lại, rồi đề xướng *Vô niệm là tông*, *Vô tướng là thể*, và *Vô trụ là bản*, làm phương pháp thực tu của Thiền tông. Lại có cách giải thích mới về thiền định: *Ngoài lìa các tướng là thiền*, *trong không loạn là định*, tức là chỉ cần đạt đến vô niệm thì chính đó là thiền định.

a. Bát nhã: Đây Thiền tri thức, sao gọi là Bát-nhã ? Bát-nhã, Trung Hoa dịch là trí tuệ. Tất cả chỗ, tất cả thời, mỗi niệm không ngu, thường hành trí tuệ tức là Bát-nhã hạnh. Một niệm ngu tức Bát-nhã bất, một niệm trí tức Bát-nhã sanh. Người đời ngu mê, không thấy Bát-nhã, miệng nói Bát-nhã mà trong tâm thường ngu, thường tự nói ta tu Bát-nhã, niệm niệm nói không nhưng không biết được Chân không. Bát-nhã không có hình tướng, tâm trí tuệ ấy vậy. Nếu khởi hiểu như thế tức gọi là Bát-nhã trí.

Sao gọi là Ba-la-mật ? Đây là lời nói của Ấn Độ, Trung Hoa dịch là đến bờ kia, giải nghĩa là lìa sanh diệt; chấp cảnh thì sanh diệt khởi như nước có sóng mồi, tức gọi là bờ này, lìa cảnh thì không sanh diệt như nước thường thông lưu, ấy gọi là bờ kia, nên gọi là Ba-la-mật.

Này Thiền tri thức, người mê miệng tụng, chính khi đang tụng mà có vọng, có quấy; niệm niệm nếu hành Bát-nhã, ấy gọi là chân tánh. Người ngộ được pháp này, ấy là pháp Bát-nhã, người tu hạnh này, ấy là hạnh Bát-nhã. Không tu tức là phàm, một niệm tu hành, tự thân đồng với Phật.

Này Thiền tri thức, phàm phu tức Phật, phiền não tức Bồ-đề. Niệm trước mê tức phàm phu, niệm sau ngộ tức Phật; niệm trước chấp cảnh tức phiền não, niệm sau lìa cảnh tức Bồ-đề.

### b. Vô niệm:

Sao gọi là vô niệm ? Nếu thấy tất cả pháp mà tâm không nhiễm trước, ấy là vô niệm.

Thấy tất cả pháp mà tâm không nhiễm. Không nhiễm trước là không dính, không mắc. Thấy người, thấy vật, thấy đủ cả, biết rõ ràng mà không dính mắc nơi người, nơi vật, đó là vô niệm. Còn dính là có niệm. Suy nghĩ về người, về vật thì sự suy nghĩ đó làm cho chúng ta có niệm thương ghét... đó là chúng ta dính mắc. Thế

nên khi chúng ta thấy tất cả mà không suy nghĩ việc đó thế này, thế kia v.v... thì đó là vô niệm. Nếu vô niệm thì thế nào ?

*Dụng tức khắp tất cả chỗ, cũng không dính mắc tất cả chỗ, chỉ thanh tịnh nơi bản tâm, khiến sáu thức ra sáu cửa đối trong sáu trần không nhiễm không tạp, đi lại tự do, thông dụng không kẹt tức là Bát-nhã tam-muội, tự tại giải thoát gọi là vô niệm hạnh.*

Đối với tất cả pháp mà tâm không nhiễm, không trước, đó là vô niệm; vì không nhiễm không trước nên dụng khắp tất cả chỗ nhưng không dính mắc ở tất cả chỗ, chỉ bản tâm mình thanh tịnh. Khi bản tâm thanh tịnh thì sáu thức ra sáu cửa: Lỗ tai có cái biết của lỗ tai, con mắt cũng có cái biết của con mắt... , sáu thức ra vào đối tiếp với sáu trần nhưng không dính, không lẫn trong sáu trần, đi lại tự do, như vậy gọi là Bát-nhã tam-muội. Đừng nghe nói tam- muội là chánh định rồi tưởng rằng ngồi một chỗ, ngó xuống, tâm yên hết thì gọi là chánh định Bát-nhã. Làm thế nào sáu căn tiếp xúc sáu trần vẫn có sáu thức phân biệt, nhưng không dính, không kẹt lẫn trong sáu trần thì đó là Bát-nhã tam-muội. Như vậy không dính không mắc rồi giải thoát tự tại đó gọi là vô niệm hạnh.

#### c. Vô tướng:

Vô tướng là đối với tướng mà lìa tướng; vô niệm là đối với niệm mà không niệm; vô trụ là bản tánh của người.

Ngay nơi tướng mà lìa tướng đó gọi là vô tướng. Tỉ dụ như ngay bình bông này mà lìa bình bông là thế nào ? Chúng ta cũng nhìn bình bông, nhưng không có niệm phân biệt đẹp xấu, là ngay bình bông mà lìa bình bông. Nếu vừa nhìn bình bông liền phân biệt đẹp xấu là dính mắc nơi bình bông, như vậy lìa bình bông là thấy mà không dính, chớ không phải nhắm mắt đừng thấy nó mới gọi là lìa. Điểm này phải hiểu thật rõ cho khỏi lầm, nghe nói lìa tướng rồi đi đâu cũng che mắt lại, không nhìn cảnh vật vì sợ thấy nó là kẹt với tướng. Không phải như thế. Ngay nơi tướng, thấy vẫn thấy nhưng không thêm niệm gì để phân biệt, để so sánh thì đó là lìa tướng; nơi tướng mà lìa tướng đó là vô tướng.

#### d. Vô trụ:

Vô trụ là thế nào ? Bản tánh của người là vô trụ nên mới lập vô trụ làm bản, tức là bản tánh của chúng ta không dính, không mắc; Dính mắc đó là vọng chớ không phải bản tánh. Thế nào là lấy vô tướng làm thể? Ngay các tướng chúng ta không dính mắc các tướng thì pháp thể của mình lúc nào cũng thanh tịnh.

Ba điều này tuy nói là ba, nhưng nhìn kỹ thấy không có khác. Vô tướng là ngay nơi tướng mà lìa tướng, vô trụ là ngay nơi cảnh mà không dính cảnh, vô niệm là ngay nơi niệm mà buông xả không khởi; như vậy đối với cảnh không dính, không kẹt, không dây niệm chạy theo cảnh thì đó là vô niệm, vô tướng, vô trụ.

Tóm lại Thiên tông sau Lục tổ Huệ Năng phát triển rất nhiều tư tưởng đặc sắc, như: Tự tính cụ túc, Kiến tính thành Phật, Tự tâm đôn ngộ, Trục chỉ nhân tâm, và đều phản

ánh ở trong *Đàn Kinh*. Có thể nói *Đàn Kinh* đặt nền tảng cho sự phát triển của Thiền tông Nam Tông.

## II. CÁC ĐỆ TỬ:

### 1. Pháp Hải 法海 (650-730):

Thiền tăng đời Đường, họ Trương, tự Văn Doãn, người xứ Khúc Giang, Quảng Đông, Trung Quốc. Tuổi trẻ vốn là Nho sinh, có tài năng và học vấn, sở trường về Kinh Phật, xuất gia tại chùa Hạc Lâm. Sau đó, sư đến Tào Khê lễ Lục tổ Huệ Năng làm thầy, theo hầu hạ bên cạnh cho đến khi Tổ thị tịch. Tổ đặt tên cho sư là Pháp Hải. Sau khi đắp tượng Tổ để thờ phượng tại chùa Bảo Lâm, sư ra hoằng pháp trụ chùa Bảo Trang Nghiêm ở Quảng Châu (nay là chùa Lục Dung). Sư là người biên tập *Lục Tổ Đại Sư Pháp Bảo Đàn Kinh* và viết bài tựa. Đây là nguyên bản Tào Khê, đời đời noi theo để khắc bản lưu truyền.

Pháp Hải lúc đầu đến yết kiến Lục Tổ hỏi:

- Thế nào là tức tâm tức Phật?

Tổ bảo:

- Niệm trước chẳng sanh tức tâm, niệm sau chẳng diệt tức Phật, thành tất cả tướng tức tâm, ly tất cả tướng tức Phật.

Pháp Hải ngay nơi lời nói liền đại ngộ, trong *Đàn kinh* có ghi chép tám câu kệ tụng.

### 2. Thanh Nguyên Hành Tư 行思 (664-740)

Thiền tăng đời Đường, họ Lưu, người xứ Lô Lăng Cát Châu (nay thuộc Cát An, Giang Tây) Trung Quốc, nối pháp Lục Tổ Huệ Năng. Sư trụ chùa Tĩnh Cư ở núi Thanh Nguyên. Pháp hệ hình thành thuộc những đời sau sư gồm có các tông: Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn.

### 3. Nam Nhạc Hoài Nhượng 懷讓 (677-744)

Thiền tăng đời Đường, họ Đỗ, người xứ An Khang, Kim Châu (nay thuộc tỉnh Thiểm Tây) Trung Quốc; nối pháp Lục Tổ Huệ Năng, là học trò giỏi của Ngài. Sư trụ chùa Bát Nhã ở Hành Sơn, hoằng dương học thuyết của Huệ Năng, dùng cách giáo hóa cao vút,

khó khăn, mở ra 1 phái Nam Nhạc nên người đời gọi Sư là *Nam Nhạc Hoài Như*.

Thụy hiệu *Đại Huệ Thiên sư*. Tác phẩm: *Nam Nhạc Đại Huệ Thiên sư ngữ lục*.

#### 4. Hà Trạch Thần Hội 神會 (686-795)

Thiền tăng đời Đường, người khai sáng tông Hà Trạch, họ Cao, người Tương Dương (Tương Phàn, Hồ Bắc) Trung Quốc. Thuở nhỏ sư học đạo Nho, về sau để tâm đến Phật giáo, trước tiên theo pháp sư Hạo Nguyên chùa Quốc Xương xuất gia, chẳng bao lâu lại theo Thần Tú học tập. Sau đến Tào Khê, Thiệu Châu (Thiệu Quan, Quảng Đông) tham kiến Huệ Năng, thông qua hỏi đáp, thử nghiệm mới hay thầy trò khế hợp. Sau khi Huệ Năng viên tịch, sư đến khắp nơi trong Lạc Dương xiển dương học thuyết của Huệ Năng. Tại chùa Đại Vân sư biện luận với các thiền sư Bắc tông, chỉ trích Bắc tông truyền thừa là bàng, pháp môn là tiệm. Do Bắc tông thù ghét nên sư bị đuổi ra khỏi kinh thành. Trong khi dẹp loạn sứ quân, sư vì triều đình mở giới đàn độ tăng, dùng »Hương thủy tiền« giúp cho quân phí. Sau khi hòa bình, vua Đường Túc Tông triệu sư vào cung, cất thiền viện trong chùa Hà Trạch, Lạc Dương, ban hiệu *Hà Trạch Đại sư*. Thụy là *Chân Tông Đại Sư*. Đường Đức Tông truy lập sư làm Tổ thứ bảy Thiền tông. Thần Hội chủ trương *Vô niệm* làm tông, *định huệ nhất thể, bình đẳng song tu*, tuyên truyền thuyết đốn ngộ *đơn đao trực nhập, trực liễu kiến tính*. Đệ tử có Vô Danh, Pháp Như v.v... Tác phẩm: *Hiển Tông Ký*. Học giả Hồ Thích sưu tập *Thần Hội ngữ lục* 3 quyển. Ngài Thần Hội khi đến yết kiến Lục Tổ, còn là một chú sa-di. Ban đầu khi yết kiến Tổ, Tổ cùng với người hỏi đáp, nhờn vì ngài rất lanh lợi, cho nên từng bị Lục Tổ đánh. Trước khi thị tịch, một hôm Tổ hỏi đại chúng:

- Ta có một vật không đầu không đuôi, không tên không họ, không lưng không mặt, các ông biết chăng?

Ngài Thần Hội ở trong chúng bước ra thưa:

- Ấy là bản nguyên của chư Phật, là Phật tánh của Thần Hội.

Tổ bảo:

- Ta đã nói với ông là không tên không họ mà ông lại gọi là bản nguyên, Phật tánh. Về sau, ông ra hoàng pháp cũng chỉ thành tông đồ của hàng tri giải!

Sau khi Tổ nhập diệt, ngài Thần Hội ở phương bắc rộng hoàng tông đốn giáo của Lục Tổ, ngài có trứ tác tập *Hiển Tông Luận*, truyền pháp cho cả thầy là mấy mươi người. Ngài truyền cho ngài Vô Danh ở núi Ngũ Đài, truyền xuống Quốc Sư Trừng Quán làm Tổ đời thứ ba, tức là Tổ thứ tư của tông Hoa Nghiêm. Đến Tổ đời thứ năm là thiền sư Đạo Viên, lại truyền xuống ngài Khuê Phong Tông Mật, tức là Tổ thứ năm của Tông Hoa Nghiêm. Những vị này có thể được đưa vào truyền thống Ngộ Tâm Thành Phật Thiền.

#### 5. Vĩnh Gia Huyền Giác 玄覺 (665-713)

Thiền tăng đời Đường, họ Đới, tự Đạo Minh, người xứ Vĩnh Gia (nay là Ôn Châu, Chiết Giang) Trung Quốc; nối pháp Lục Tổ Huệ Năng. Sư trụ chùa Long Hưng ở Ôn

Châu. Tác phẩm: *Vĩnh Gia tập* 10 thiên, *Thiền tông Ngô Tu Viên Chỉ* 1 quyển, *Chứng Đạo Ca* 1 thiên. Trước ngài tinh chuyên tu tập tam chỉ tam quán của tông Thiền Thai, về sau cùng với thiền sư Huyền Sách đi từ Ôn Châu đến Tào Khê yết kiến Lục Tổ. Huyền Giác chông tích trượng đứng.

Tổ bảo:

- Phàm làm sa môn, phải đầy đủ ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, đại đức từ phương nào đến, lại sanh đại ngã mạn như thế?

Huyền Giác nói:

- Sanh tử là việc lớn, vô thường mau lắm!

Tổ bảo:

- Sao chẳng thể nhận cái vô sanh, liễu cái chẳng mau?

Đáp:

- Thể tức vô sanh, liễu vốn chẳng mau.

Khi ấy Lục Tổ liền ấn khả nói:

- Đúng thế! Đúng thế!

Bởi vì thiền sư Vĩnh Gia trước đã ngộ nhập tâm địa, chẳng qua là muốn tâm tâm ấn khả nhau, cho nên đến cầu Lục Tổ ấn chứng mà thôi. Sau khi Lục Tổ ấn khả, ngài Vĩnh Gia mới đầy đủ oai nghi lễ bái. Trong chốc lát, ngài cáo từ muốn đi.

Tổ bảo:

- Trở về quá nhanh? Đáp:

- Vốn không có đi lại, há có nhanh ư?

Tổ bảo:

- Cái gì biết vốn không có đi lại.

Đáp:

- Nhon giả tự sanh phân biệt.

Tổ bảo:

- Người được ý vô sanh rất sâu.

Đáp:

- Vô sanh há có ý ư?

Tổ bảo:

- Không ý, cái gì biết phân biệt?

Đáp:

- Phân biệt cũng chẳng phải ý.

Tổ khen:

- Lành thay! Lành thay! Hãy ở lại đây nghỉ một đêm.

Cho nên người đời sau gọi ngài Vĩnh Gia là *Nhất Túc Giác*. Ngài Vĩnh Gia sau khi yết kiến Lục Tổ, có trước tác một thiên Chứng Đạo Ca. Mở đầu là

*Anh thấy chẳng? Tuyệt học vô vi, ấy đạo nhơn,  
Chẳng trừ vọng tướng, chẳng cầu chơn,  
Tánh thật vô minh tức Phật tánh,*

*Thân không ảo hóa tức pháp thân!  
Pháp thân giác rồi không một vật,  
Bản nguyên tự tánh thiên chân Phật...  
cho đến*

*Voi lớn đâu thềm đi dấu thỏ,  
Ngộ lớn xá gì chi tiết nhỏ,  
Đừng dòm trong ống kiếm trời xanh,  
Chưa tỏ, vì anh ta mở rõ.*

Bởi vì sự ngộ thiên của Nam Tông đã cao, chẳng khỏi làm cho người kinh ngạc nghi báng, cho nên tóm kết nêu bày ra sự quyết đoán.

## **6. Nam Dương Huệ Trung 慧忠 (690-775):**

Thiền tăng đời Đường họ Nhiễm, người xứ Chư Kỳ (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc; nói pháp Lục Tổ Huệ Năng, là 1 trong 5 bậc tông tượng sau Lục Tổ. Thụy hiệu *Đại Chứng Thiền sư*, đời thường gọi *Nam Dương Quốc Sư*.

## **III. CÁC BIỂU ĐỒ TRUYỀN THỪA**

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

- Kinh Pháp Bảo Đàn, HT. Thanh Từ giảng giải
- Trung Quốc Thiền tông đại toàn.
- Thái Hư Đại sư toàn thư
- Tổ sư thiền do Đồng Quân soạn